

Bản án số: 104/2018/DS-ST
Ngày 16-11-2018
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Hồ Út P (Hồ Bá P), sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp T, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ; cùng cư trú: Ấp TĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hồ Út P trình bày:

Bà Hồ Út P có tham gia một dây hụi do ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi mở ngày 09/3/2014 al, loại hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi gồm có 29 chung, khi mở hụi có giao kèo với tay em đóng trễ thì lãi suất 10%/tháng, đầu thảo chung trễ phải chịu lãi suất 5%/tháng. Dây hụi này, bà hốt vào lần thứ 28 hốt với số tiền 135.200.000 đồng nhưng phía bị đơn không giao, đến lần thứ 29 bà P vẫn đóng hụi chết cho chủ hụi là mãn hụi xong, ông T và bà Đ có đóng lãi được hai tháng số tiền 10.000.000 đồng và giao tiền hụi nhiều

lần, còn thiếu số tiền 60.000.000 đồng, đến nay hơn một năm nhưng ông T và bà Đ vẫn không trả số tiền nợ hụi.

Bà Hồ Út P yêu cầu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà số tiền nợ hụi 60.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà thừa nhận bà P có tham gia một chung hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 09/3/2014 al do bà làm chủ và thừa nhận còn thiếu bà P số tiền 60.000.000 đồng. Bà xác định bà có đóng lãi chậm giao tiền hụi cho bà P số tiền 25.000.000 đồng, khi giao tiền lãi không có làm biên nhận. Bà đồng ý trả số tiền trên theo như yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng yêu cầu được trả dần với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Võ Trung T nhưng ông vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Võ Trung T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông T là phù hợp.

[2] Về số tiền nợ hụi:

Theo giấy hợp đồng hụi và lời trình bày của bà P, bà Đ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bà P có tham gia một chung hụi trong dây hụi mở ngày 09/3/2014 al do bà làm chủ, loại hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi gồm có 29 chung, bà P tham gia một chung.

Đối với số tiền lãi chậm giao hụi: Bà Đ cho rằng có đóng lãi chậm giao tiền hụi cho bà P số tiền 25.000.000 đồng, bà P thừa nhận có nhận số tiền lãi 10.000.000 đồng. Xét thấy, tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ xác định việc giao nhận tiền lãi không có làm biên nhận, bà P chỉ thừa nhận có nhận số tiền lãi 10.000.000 đồng và bà Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà P có nhận số tiền lãi 25.000.000 đồng, nên có đủ cơ sở xác định bà P có nhận số tiền lãi chậm giao hụi 10.000.000 đồng từ bà Đ. Căn cứ Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường quy định “Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi do các bên thỏa thuận... tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ”, như vậy thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với ông T, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông không có ý kiến giải trình liên quan đến số tiền nợ hui theo yêu cầu khởi kiện của bà P và thời gian bà Đ mở hui quan hệ giữa ông bà vẫn là vợ chồng.

Xét thấy, giao dịch hui giữa bà P với bà Đ là thực tế có xảy ra, trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tương trợ giữa những người tham gia góp hui và phù hợp với quy định của pháp luật nên được bảo vệ. Bà P và bà Đ đều xác định phía bị đơn còn nợ bà P số tiền 60.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định ông T và bà Đ còn nợ bà P số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Về phương thức trả nợ: Bà Đ đồng ý trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần. Xét thấy: Theo Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biêu, phường quy định chủ hộ phải có nghĩa vụ giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ và tại phiên Tòa, bà P yêu cầu bà Đ và ông T trả cho bà số tiền nợ 60.000.000 đồng, không đồng ý cho bà Đ và ông T trả dần. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trả dần số nợ trên của bà Đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà Đ và ông T phải trả cho bà P số tiền nợ hui 60.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P không phải chịu. Bà Đ và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Út P (Hồ Bá P). Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Hồ Út P số tiền nợ hui 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T phải chịu 3.000.000 đồng. Bà Hồ Út P không phải chịu, bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.500.000 đồng tại biên lai thu số 0009777 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Hồ Út P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng